



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khóa 68, ngày 30/7/2022

PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0020410066	Lê Lại Thanh	Bạch	Nữ	10/10/2002	Đồng Tháp	P.405-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 208-C1	
2	000002	0020410124	Đỗ Phát	Đạt	Nam	30/10/2002	Tiền Giang	P.405-C1		12h30'		
3	000003	0020411272	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	05/3/2002	Đồng Tháp	P.405-C1		12h40'		
4	000004	0020410318	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	10/8/2002	Đồng Tháp	P.405-C1		12h40'		
5	000005	0020410254	Trần Như	Huỳnh	Nữ	21/11/2002	Vĩnh Long	P.405-C1		12h50'		
6	000006	0020410788	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	12/11/2002	Long An	P.405-C1		12h50'		
7	000007	0020410345	Lê Thị Ngọc	Nữ	Nữ	27/12/2002	Đồng Tháp	P.405-C1		13h00'		
8	000008	0020410249	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	09/6/2002	Đồng Tháp	P.405-C1		13h00'		
9	000009	0016410301	Nguyễn Thị Kim	Thi	Nữ	09/5/1998	Đồng Tháp	P.405-C1		13h10'		
10	000010	0016411004	Nguyễn Thị Mộng	Thu	Nữ	30/5/1998	Đồng Tháp	P.405-C1		13h10'		
11	000011	0020410601	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	06/4/2000	Đồng Tháp	P.405-C1		13h20'		
12	000012	0020410402	Lê Lưu Thu	Thuyền	Nữ	01/9/2002	Đồng Tháp	P.405-C1		13h20'		
13	000013	0020410035	Đàm Thùy	Trang	Nữ	05/8/2000	Đồng Tháp	P.405-C1		13h30'		
14	000014	0020410190	Đoàn Thị Huỳnh	Truyền	Nữ	26/12/2002	Đồng Tháp	P.405-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 14

Khoá 68, ngày 30/7/2022

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dây C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
								Giờ thi	Địa điểm			
1	000001	0019410371	Nguyễn Đình Khả	Ái	Nữ	05/7/2001	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 404-C1	P.501-C1		
2	000002	0021410007	Nguyễn Lê Thúy	An	Nữ	07/11/2003	Đồng Tháp	07h00'		P.501-C1		
3	000003	0021412014	Nguyễn Trường	An	Nam	01/11/2003	Campuchia	07h10'		P.501-C1		
4	000004	0021410011	Nguyễn Vũ Tường	An	Nữ	17/3/2003	Bến Tre	07h10'		P.501-C1		
5	000005	0021410016	Trần Thị Thuý	An	Nữ	01/11/2003	Vĩnh Long	07h20'		P.501-C1		
6	000006	0021413691	Nguyễn Hoàng Hồng	Ấn	Nam	25/11/2003	Cần Thơ	07h20'		P.501-C1		
7	000007	0020410375	Nguyễn Văn	Ấn	Nam	01/9/2002	Tiền Giang	07h30'		P.501-C1		
8	000008	0021410020	Cao Văn	Anh	Nữ	22/4/2003	Tiền Giang	07h30'		P.501-C1		
9	000009	0021410022	Đặng Thị Phương	Anh	Nữ	22/11/2003	Đồng Tháp	07h40'		P.501-C1		
10	000010	0019410794	Đoàn Ngọc Lan	Anh	Nữ	02/6/2001	Tiền Giang	07h40'		P.501-C1		
11	000011	0019410059	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	19/10/2001	Đồng Tháp	07h50'		P.501-C1		
12	000012	0021411121	Lê Trần Quỳnh	Anh	Nữ	06/5/2003	Hậu Giang	07h50'		P.501-C1		
13	000013	0013410781	Lò Thị Quế	Anh	Nữ	15/6/1995	Đồng Tháp	08h00'		P.501-C1		
14	000014	0021411122	Mai Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	01/9/2001	Đồng Tháp	08h00'		P.501-C1		
15	000015	0021412045	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	29/11/2003	Đồng Tháp	08h10'		P.501-C1		
16	000016	0021413669	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	01/4/2003	Đồng Nai	08h10'		P.501-C1		
17	000017	0021412050	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	18/10/2003	Đồng Tháp	08h20'		P.501-C1		
18	000018	0021410037	Phùng Thị Tuyết	Anh	Nữ	05/9/2003	Đồng Tháp	08h20'		P.501-C1		
19	000019	0020411022	Trần Đặng Trâm	Anh	Nữ	27/10/2002	Bến Tre	08h30'		P.501-C1		
20	000020	0021413692	Trần Tuấn	Anh	Nam	02/6/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.501-C1		
21	000021	0020410968	Trương Thị Tuyết	Anh	Nữ	14/4/2002	Đồng Tháp	08h40'		P.501-C1		
22	000022	0021412074	Vô Thị Tuyết	Anh	Nữ	01/12/2003	Trà Vinh	08h40'		P.501-C1		
23	000023	0021412076	Nguyễn Kiên Đặng Ngọc	Ánh	Nữ	21/9/2003	Bến Tre	08h50'		P.501-C1		
24	000024	0021412083	Nguyễn Nhật	Băng	Nữ	17/01/2003	Đồng Tháp	08h50'		P.501-C1		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000025	0021410048	Lê Quốc Bảo	Nam	27/4/2003	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 404-C1			P.502-C1
2	000026	0021410051	Nguyễn Tấn Bảo	Nam	06/10/2003	TP HCM	07h00'				P.502-C1
3	000027	0020411051	Thái Quân Bảo	Nam	08/10/2002	Đồng Tháp	07h10'				P.502-C1
4	000028	0020410116	Hà Thị Vân Bình	Nữ	30/5/2002	Đồng Tháp	07h10'				P.502-C1
5	000029	0020410962	Phạm Công Bình	Nam	16/01/2002	Đồng Tháp	07h20'				P.502-C1
6	000030	0021411154	Phan Thanh Bình	Nam	22/12/2003	Đồng Tháp	07h20'				P.502-C1
7	000031	0021412114	Trần Hồng Cẩm	Nữ	20/12/2002	Bạc Liêu	07h30'				P.502-C1
8	000032	0021410063	Nguyễn Thị Bích Châm	Nữ	13/9/2003	Đồng Tháp	07h30'				P.502-C1
9	000033	0021410064	Trần Minh Chánh	Nam	28/5/2003	Đồng Tháp	07h40'				P.502-C1
10	000034	0020410347	Nguyễn Thị Bảo Châu	Nữ	22/02/2002	Đồng Tháp	07h40'				P.502-C1
11	000035	0021410067	Võ Thúy Châu	Nữ	26/8/2003	Bến Tre	07h50'				P.502-C1
12	000036	0021410068	Đoàn Thị Mỹ Chi	Nữ	18/6/2003	Bến Tre	07h50'				P.502-C1
13	000037	0021410070	Ngô Quế Chi	Nữ	06/7/2003	Đồng Tháp	08h00'				P.502-C1
14	000038	0021411164	Võ Trần Kim Chi	Nữ	17/02/2003	Đồng Tháp	08h00'				P.502-C1
15	000039	0021410080	Võ Quốc Cường	Nam	20/12/2003	Đồng Tháp	08h10'				P.502-C1
16	000040	0020410765	Lê Thị Trang Đài	Nữ	07/9/2002	Đồng Tháp	08h10'				P.502-C1
17	000041	0021410082	Nguyễn Phùng Linh Đan	Nữ	05/10/2003	Tiền Giang	08h20'				P.502-C1
18	000042	0020410280	Nguyễn Thị Hồng Đào	Nữ	28/10/1998	Đồng Tháp	08h20'				P.502-C1
19	000043	0021413806	Bùi Thành Đạt	Nam	17/7/2003	Bến Tre	08h30'				P.502-C1
20	000044	0021412167	Ngô Lâm Phát Đạt	Nam	14/01/2003	Đồng Tháp	08h30'				P.502-C1
21	000045	0021413673	Nguyễn Hữu Đạt	Nam	08/3/2003	Đồng Tháp	08h40'				P.502-C1
22	000046	0021410102	Nguyễn Ngọc Tường Di	Nữ	23/11/2003	Đồng Tháp	08h40'				P.502-C1
23	000047	0021412181	Đinh Phạm Hồng Diễm	Nữ	17/3/2003	Đồng Tháp	08h50'				P.502-C1
24	000048	0021411190	Lương Ngọc Diễm	Nữ	02/4/2003	Đồng Tháp	08h50'				P.502-C1

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 68, ngày 30/7/2022

PHÒNG THI SỐ: 03

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
								Giờ thi	Địa điểm			
1	000049	0021411192	Nguyễn Thị Đào	Diễm	Nữ	04/12/2003	Cần Thơ	07h00'	Phòng chờ: 304-C1	P.503-C1		
2	000050	0021410105	Đào Minh	Diễn	Nam	29/12/2003	Bến Tre	07h00'		P.503-C1		
3	000051	0021410107	Võ Thị Ngọc	Diệp	Nữ	19/02/2003	Tiền Giang	07h10'		P.503-C1		
4	000052	0021411202	Võ Trần Ngọc	Diệp	Nữ	17/02/2003	Đồng Tháp	07h10'		P.503-C1		
5	000053	0021410110	Phan Ngọc	Diệu	Nữ	22/01/2003	Đồng Tháp	07h20'		P.503-C1		
6	000054	0020410878	Phan Thị Hồng	Diệu	Nữ	02/10/2002	Đồng Tháp	07h20'		P.503-C1		
7	000055	0021410112	Trần Công	Đinh	Nam	12/12/2003	Đồng Tháp	07h30'		P.503-C1		
8	000056	0021410113	Nguyễn Thị Ngọc	Đinh	Nữ	21/9/2003	Đồng Tháp	07h30'		P.503-C1		
9	000057	0021411205	Lê Tấn	Đinh	Nam	28/02/2002	Cà Mau	07h40'		P.503-C1		
10	000058	0021410117	Nguyễn Lê Anh	Đô	Nam	26/3/2002	An Giang	07h40'		P.503-C1		
11	000059	0020411257	Mai Phương	Du	Nữ	19/3/2002	Bến Tre	07h50'		P.503-C1		
12	000060	0021410118	Nguyễn Lê Huỳnh	Du	Nữ	13/9/2003	Đồng Tháp	07h50'		P.503-C1		
13	000061	0021410119	Lê Khánh	Dư	Nam	16/4/2003	Đồng Tháp	08h00'		P.503-C1		
14	000062	0021412213	Nguyễn Tấn	Đức	Nam	11/6/2003	Đồng Tháp	08h00'		P.503-C1		
15	000063	0021411214	Lâm Mỹ	Dung	Nữ	24/12/2003	Vĩnh Long	08h10'		P.503-C1		
16	000064	0021412231	Nguyễn Hải	Dương	Nữ	20/3/2003	Đồng Tháp	08h10'		P.503-C1		
17	000065	0021412236	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	16/9/2001	Vĩnh Long	08h20'		P.503-C1		
18	000066	0021410136	Phạm Thị Thuý	Dương	Nữ	12/02/2003	Bến Tre	08h20'		P.503-C1		
19	000067	0021412250	Lê Khánh	Duy	Nam	19/11/2003	Long An	08h30'		P.503-C1		
20	000068	0021410145	Lê Thị Yến	Duy	Nữ	07/9/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.503-C1		
21	000069	0020410886	Lưu Quan	Duy	Nam	29/3/2002	Đồng Tháp	08h40'		P.503-C1		
22	000070	0019410856	Nguyễn Hiếu	Duy	Nam	04/9/2001	Đồng Tháp	08h40'		P.503-C1		
23	000071	0021411233	Nguyễn Ngô Anh	Duy	Nam	16/8/2003	An Giang	08h50'		P.503-C1		
24	000072	0021412258	Nguyễn Nhựt	Duy	Nam	10/5/2003	Cà Mau	08h50'		P.503-C1		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khóa 68, ngày 30/7/2022

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
								Giờ thi	Địa điểm			
1	000073	0021410149	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	27/5/2003	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 304-C1	P.504-C1		
2	000074	0021412269	Phạm Trọng	Duy	Nam	01/01/2003	Cà Mau	07h00'		P.504-C1		
3	000075	0020410222	Phan Võ Hàn	Duy	Nữ	07/9/2002	Tiền Giang	07h10'		P.504-C1		
4	000076	0021410154	Trần Phương	Duy	Nữ	26/02/2003	Đồng Tháp	07h10'		P.504-C1		
5	000077	0020410727	Trương Nguyễn Khắc	Duy	Nam	24/9/1999	Đồng Tháp	07h20'		P.504-C1		
6	000078	0020410342	Võ Thị Hạnh	Duy	Nữ	07/5/2002	Đồng Tháp	07h20'		P.504-C1		
7	000079	0021411241	Huỳnh Thị Kim	Duyên	Nữ	31/12/2003	Tiền Giang	07h30'		P.504-C1		
8	000080	0021412278	Mã Cẩm	Duyên	Nữ	19/10/2003	Cà Mau	07h30'		P.504-C1		
9	000081	0021412282	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	05/01/2003	Bến Tre	07h40'		P.504-C1		
10	000082	0021412291	Nguyễn Lê Trường	Giang	Nam	29/10/2003	Bến Tre	07h40'		P.504-C1		
11	000083	0021411255	Phạm Thị Thảo	Giang	Nữ	31/5/2003	Đồng Tháp	07h50'		P.504-C1		
12	000084	0020410775	Trị Thị Cẩm	Giang	Nữ	11/12/2002	Đồng Tháp	07h50'		P.504-C1		
13	000085	0021412301	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Nữ	12/10/2003	Bến Tre	08h00'		P.504-C1		
14	000086	0021410192	Ngô Ngọc	Hà	Nữ	11/12/2003	Đồng Tháp	08h00'		P.504-C1		
15	000087	0021412308	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	Nữ	25/3/2003	Tiền Giang	08h10'		P.504-C1		
16	000088	0021410193	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	21/7/2003	Đồng Tháp	08h10'		P.504-C1		
17	000089	0021411262	Hà Ngọc	Hải	Nam	18/3/2003	Đồng Tháp	08h20'		P.504-C1		
18	000090	0020411070	Lê Trường	Hải	Nam	16/8/2002	Bến Tre	08h20'		P.504-C1		
19	000091	0021412323	Dương Ngọc	Hân	Nữ	17/9/2003	Bạc Liêu	08h30'		P.504-C1		
20	000092	0020411122	Lê Kim	Hân	Nữ	19/11/2001	Bến Tre	08h30'		P.504-C1		
21	000093	0021410205	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	24/01/2003	Đồng Tháp	08h40'		P.504-C1		
22	000094	0021411270	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24/7/2002	Long An	08h40'		P.504-C1		
23	000095	0021410214	Văn Ngọc	Hân	Nữ	20/12/2003	Đồng Tháp	08h50'		P.504-C1		
24	000096	0021412352	Nguyễn Thị Bích	Hằng	Nữ	18/11/2003	Đồng Tháp	08h50'		P.504-C1		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000097	0021410220	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	11/3/2003	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 308-C1			P.505-C1
2	000098	0020410625	Huỳnh Thị Kiều Hạnh	Nữ	19/9/2002	Long An	07h00'				P.505-C1
3	000099	0020410081	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	20/10/2002	Đồng Tháp	07h10'				P.505-C1
4	000100	0020411268	Đinh Nhựt Hòa	Nam	14/5/2002	Đồng Tháp	07h10'				P.505-C1
5	000101	0021410231	Lê Nguyễn Mỹ Hào	Nữ	12/5/2003	Đồng Tháp	07h20'				P.505-C1
6	000102	0021411291	Nguyễn Công Hậu	Nam	07/02/2003	Đồng Tháp	07h20'				P.505-C1
7	000103	0021412373	Nguyễn Thành Hậu	Nam	23/02/2003	Long An	07h30'				P.505-C1
8	000104	0021411293	Nguyễn Thị Bé Hậu	Nữ	26/10/2003	Vĩnh Long	07h30'				P.505-C1
9	000105	0020410939	Bùi Đào Như Hiền	Nữ	15/11/2002	Đồng Tháp	07h40'				P.505-C1
10	000106	0021412378	Phan Thị Thu Hiền	Nữ	02/02/2003	Đồng Tháp	07h40'				P.505-C1
11	000107	0021411298	Tổng Thị Hiền	Nữ	12/8/2003	Đồng Tháp	07h50'				P.505-C1
12	000108	0019410200	Lê Trung Hiếu	Nam	11/8/2001	Tây Ninh	07h50'				P.505-C1
13	000109	0021412386	Nguyễn Chí Hiếu	Nam	16/3/2003	Cà Mau	08h00'				P.505-C1
14	000110	0021411306	Phạm Chí Hiếu	Nam	30/7/2003	Bến Tre	08h00'				P.505-C1
15	000111	0020410652	Võ Thành Hiếu	Nam	07/11/2002	Đồng Tháp	08h10'				P.505-C1
16	000112	0019410694	Nguyễn Thị Phương Hoa	Nữ	13/7/2001	Đồng Tháp	08h10'				P.505-C1
17	000113	0020410320	Lê Thị Hoài	Nữ	04/9/2001	Đồng Tháp	08h20'				P.505-C1
18	000114	0021410253	Phạm Thế Học	Nam	14/01/2002	Đồng Tháp	08h20'				P.505-C1
19	000115	0021410259	Bùi Thị Huệ	Nữ	25/9/2003	Đồng Tháp	08h30'				P.505-C1
20	000116	0021410260	Đoàn Thị Gia Huệ	Nữ	19/5/2003	Đồng Tháp	08h30'				P.505-C1
21	000117	0021410262	Trương Như Huệ	Nữ	03/4/2003	Cần Thơ	08h40'				P.505-C1
22	000118	0018410771	Lê Phi Hùng	Nam	09/9/1999	Đồng Tháp	08h40'				P.505-C1
23	000119	0021410263	Phạm Chí Hùng	Nam	29/11/2002	Long An	08h50'				P.505-C1
24	000120	0020410623	Dương Tấn Hưng	Nam	20/5/2002	Vĩnh Long	08h50'				P.505-C1

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000121	0021410265	Phạm Bành Phước Hưng	Nam	18/11/2003	Vĩnh Long	07h00'	Phòng chờ: 308-C1			P.506-C1
2	000122	0021410266	Đoàn Huỳnh Hương	Nữ	25/9/2003	Tiền Giang	07h00'				P.506-C1
3	000123	0021310012	Nguyễn Xuân Hương	Nữ	15/12/2002	Đồng Tháp	07h10'				P.506-C1
4	000124	0021410275	Nguyễn Chí Hữu	Nam	10/11/2003	Đồng Tháp	07h10'				P.506-C1
5	000125	0021411327	Lê Đăng Huy	Nam	23/5/2003	Đồng Tháp	07h20'				P.506-C1
6	000126	0021412432	Lê Tuấn Huy	Nam	02/01/2003	Tiền Giang	07h20'				P.506-C1
7	000127	0021412434	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	21/6/2003	Tiền Giang	07h30'				P.506-C1
8	000128	0021410284	Phạm Lê Hoàng Huy	Nam	17/11/2003	Bến Tre	07h30'				P.506-C1
9	000129	0021410286	Trần Nguyễn Đức Huy	Nam	09/5/2003	Vĩnh Long	07h40'				P.506-C1
10	000130	0021412445	Trần Thái Huy	Nam	04/6/2003	Đồng Tháp	07h40'				P.506-C1
11	000131	0021412451	Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	25/6/2003	Đồng Tháp	07h50'				P.506-C1
12	000132	0021413677	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Nữ	25/11/2001	Đồng Tháp	07h50'				P.506-C1
13	000133	0021310015	Hồ Thị Huỳnh	Nữ	03/12/2002	Đồng Tháp	08h00'				P.506-C1
14	000134	0021410299	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Nữ	06/02/2003	Cà Mau	08h00'				P.506-C1
15	000135	0020410972	Nguyễn Như Huỳnh	Nữ	22/3/2002	Đồng Tháp	08h10'				P.506-C1
16	000136	0021412469	Trần Nguyễn Huỳnh	Nam	02/8/2003	Long An	08h10'				P.506-C1
17	000137	0021410308	Nguyễn Văn Kha	Nam	07/11/2003	Đồng Tháp	08h20'				P.506-C1
18	000138	0021410312	Dương Chí Khang	Nam	30/01/2003	Đồng Tháp	08h20'				P.506-C1
19	000139	0021411357	Lâm An Khang	Nam	14/3/2003	Đồng Tháp	08h30'				P.506-C1
20	000140	0021412484	Lâm Nguyễn Duy Khang	Nam	01/12/2003	Bến Tre	08h30'				P.506-C1
21	000141	0021410313	Lê Nguyễn Phúc Khang	Nam	19/6/2003	Đồng Tháp	08h40'				P.506-C1
22	000142	0020410164	Ngô Hoàng Khang	Nam	22/10/2001	An Giang	08h40'				P.506-C1
23	000143	0020411325	Trần Tuấn Khanh	Nam	02/01/2001	Đồng Tháp	08h50'				P.506-C1
24	000144	0020410262	Đặng Nguyễn Duy Khánh	Nam	23/7/2002	Đồng Tháp	08h50'				P.506-C1

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dây C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000145	0020410277	Nguyễn Ngọc Nguyên Khánh	Nữ	24/10/2002	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 204-C1	P.507-C1		
2	000146	0021411377	Phạm Bích Khê	Nữ	28/3/2002	Bến Tre	07h00'		P.507-C1		
3	000147	0021412505	Huỳnh Đăng Khoa	Nam	28/6/2003	Bến Tre	07h10'		P.507-C1		
4	000148	0021412509	Lê Hữu Khoa	Nam	20/8/2003	Đồng Tháp	07h10'		P.507-C1		
5	000149	0021412512	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	10/9/2003	TP HCM	07h20'		P.507-C1		
6	000150	0020410267	Nguyễn Thị Minh Khoa	Nữ	05/6/2002	Đồng Tháp	07h20'		P.507-C1		
7	000151	0020410500	Trương Đình Khôi	Nam	13/3/2002	Đồng Tháp	07h30'		P.507-C1		
8	000152	0021411384	Nguyễn Thanh Khương	Nam	14/02/2003	Đồng Tháp	07h30'		P.507-C1		
9	000153	0021411385	Nguyễn Thị Yến Khương	Nữ	28/4/2003	Đồng Tháp	07h40'		P.507-C1		
10	000154	0021412527	Thái Thị Đăng Khương	Nữ	17/4/2001	Đồng Tháp	07h40'		P.507-C1		
11	000155	0021410339	Phạm Trung Kiên	Nam	26/3/2003	Đồng Tháp	07h50'		P.507-C1		
12	000156	0020411035	Nguyễn Anh Kiệt	Nam	26/10/2002	Đồng Tháp	07h50'		P.507-C1		
13	000157	0021410349	Võ Tuấn Kiệt	Nam	22/9/2003	An Giang	08h00'		P.507-C1		
14	000158	0020410973	Lê Nguyễn Diễm Kiều	Nữ	12/02/2002	Long An	08h00'		P.507-C1		
15	000159	0021410350	Mai Thị Vân Kiều	Nữ	14/4/2003	Bến Tre	08h10'		P.507-C1		
16	000160	0021412547	Bạch Thiên Kim	Nữ	19/11/2003	Đồng Tháp	08h10'		P.507-C1		
17	000161	0020410097	Hồ Trương Phương Lan	Nữ	29/8/2002	Đồng Tháp	08h20'		P.507-C1		
18	000162	0021412561	Trần Thị Kim Lan	Nữ	26/7/2003	Đồng Tháp	08h20'		P.507-C1		
19	000163	0015410456	Lê Minh Lãng	Nam	28/01/1997	Long An	08h30'		P.507-C1		
20	000164	0021411408	Trần Thị Mỹ Lệ	Nữ	19/7/2003	Long An	08h30'		P.507-C1		
21	000165	0021411409	Lê Thị Trúc Liên	Nữ	07/11/2000	An Giang	08h40'		P.507-C1		
22	000166	0021310021	Đoàn Thị Linh	Nữ	31/7/1999	Đồng Tháp	08h40'		P.507-C1		
23	000167	0021310092	Nguyễn Trần Ngọc Linh	Nữ	06/10/2003	Đồng Tháp	08h50'		P.507-C1		
24	000168	0020410029	Nguyễn Vũ Linh	Nam	09/01/2002	Đồng Tháp	08h50'		P.507-C1		
25	000169	0021410385	Trần Nhã Linh	Nữ	29/01/2003	Đồng Tháp	09h00'		P.507-C1		
26	000170	0021411426	Trương Thị Trúc Linh	Nữ	23/6/2003	Long An	09h00'		P.507-C1		
27	000171	0021411427	Đặng Hồng Linh	Nam	30/8/2003	Đồng Tháp	09h10'		P.507-C1		
28	000172	0021410396	Phạm Thị Tuyết Loan	Nữ	16/8/2003	Đồng Tháp	09h10'		P.507-C1		

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000173	0021410397	Trần Nguyễn Kim Loan	Nữ	18/12/2003	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 204-C1		P.508-C1	
2	000174	0021410398	Dương Tấn Lộc	Nam	22/01/2003	Đồng Tháp	07h00'			P.508-C1	
3	000175	0021412611	Tô Văn Tấn Lộc	Nam	19/01/2003	Hậu Giang	07h10'			P.508-C1	
4	000176	0020410205	Lê Mỹ Lợi	Nữ	18/01/2002	Đồng Tháp	07h10'			P.508-C1	
5	000177	0021411436	Trần Phúc Long	Nam	07/6/2003	An Giang	07h20'			P.508-C1	
6	000178	0021410403	Nguyễn Thị Ngọc Lua	Nữ	09/6/2003	Đồng Tháp	07h20'			P.508-C1	
7	000179	0021412635	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	15/02/2003	Vĩnh Long	07h30'			P.508-C1	
8	000180	0021410412	Hà Thị Xuân Mai	Nữ	19/10/2003	Đồng Tháp	07h30'			P.508-C1	
9	000181	0021410421	Trần Nguyễn Xuân Mai	Nữ	21/10/2003	Đồng Tháp	07h40'			P.508-C1	
10	000182	0021410428	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	24/6/2003	Đồng Tháp	07h40'			P.508-C1	
11	000183	0020411106	Nguyễn Thị Mến	Nữ	15/02/2002	Đồng Tháp	07h50'			P.508-C1	
12	000184	0021310075	La Thị Mỹ Mi	Nữ	04/12/2003	Đồng Tháp	07h50'			P.508-C1	
13	000185	0021310026	Lê Thị Kim Mới	Nữ	03/9/2003	Đồng Tháp	08h00'			P.508-C1	
14	000186	0021412677	Nguyễn Thị Mộng	Nữ	06/11/2003	Kiên Giang	08h00'			P.508-C1	
15	000187	0021410432	Ngô Thái My	Nữ	07/02/2003	Đồng Tháp	08h10'			P.508-C1	
16	000188	0020410312	Ngô Thị Diễm My	Nữ	07/4/2002	Đồng Tháp	08h10'			P.508-C1	
17	000189	0021310078	Nguyễn Thảo My	Nữ	18/9/2003	TP HCM	08h20'			P.508-C1	
18	000190	0021411476	Phùng Diễm My	Nữ	12/10/2003	Cà Mau	08h20'			P.508-C1	
19	000191	0021410443	Võ Lê Diễm My	Nữ	08/4/2003	Đồng Tháp	08h30'			P.508-C1	
20	000192	0020410467	Phạm Thị Thái Mỹ	Nữ	30/6/2002	Đồng Tháp	08h30'			P.508-C1	
21	000193	0021412702	Nguyễn Nhật Nam	Nam	26/3/2003	Đồng Tháp	08h40'			P.508-C1	
22	000194	0020410308	Nguyễn Văn Nhật Nam	Nam	02/02/2002	Đồng Tháp	08h40'			P.508-C1	
23	000195	0021412707	Phạm Nhựt Nam	Nam	03/9/2003	Đồng Tháp	08h50'			P.508-C1	
24	000196	0020411145	Phan Thanh Nam	Nam	28/12/2002	Đồng Tháp	08h50'			P.508-C1	
25	000197	0020410510	Nguyễn Phú Năng	Nam	04/5/2002	Đồng Tháp	09h00'			P.508-C1	
26	000198	0021410457	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	26/01/2003	Vĩnh Long	09h00'			P.508-C1	
27	000199	0020410974	Võ Thị Thúy Nga	Nữ	16/9/2002	Đồng Tháp	09h10'			P.508-C1	
28	000200	0021411488	Huỳnh Thị Kim Ngân	Nữ	24/11/2003	Đồng Tháp	09h10'			P.508-C1	

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	★ CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
								Giờ thi	Địa điểm			
1	000201	0021410474	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	03/5/2003	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 208-C1		P.407-C1	
2	000202	0021412719	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	31/01/2003	Đồng Tháp	07h00'			P.407-C1	
3	000203	0021410476	Mai Kim	Ngân	Nữ	15/4/2002	Đồng Tháp	07h10'			P.407-C1	
4	000204	0020411100	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	16/4/2002	Bến Tre	07h10'			P.407-C1	
5	000205	0021410481	Nguyễn Ngọc	Ngân	Nữ	19/9/2003	Vĩnh Long	07h20'			P.407-C1	
6	000206	0021411498	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	11/8/2003	Đồng Tháp	07h20'			P.407-C1	
7	000207	0021411502	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	06/12/2003	Đồng Tháp	07h30'			P.407-C1	
8	000208	0021412747	Trần Ngọc	Ngân	Nữ	21/12/2003	Vĩnh Long	07h30'			P.407-C1	
9	000209	0021410504	Võ Thị Kim	Ngân	Nữ	04/6/2003	Đồng Tháp	07h40'			P.407-C1	
10	000210	0020411223	Dương Thị Mộng	Nghi	Nữ	24/6/2002	Kiên Giang	07h40'			P.407-C1	
11	000211	0020410970	Lâm Nguyễn Bảo	Nghi	Nữ	29/3/2002	Đồng Tháp	07h50'			P.407-C1	
12	000212	0021410506	Lê Trần Bảo	Nghi	Nữ	07/8/2003	Tiền Giang	07h50'			P.407-C1	
13	000213	0021411517	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	Nữ	28/4/2003	TP HCM	08h00'			P.407-C1	
14	000214	0021412763	Phan Hữu	Nghĩa	Nam	28/01/2003	Đồng Tháp	08h00'			P.407-C1	
15	000215	0021413836	Đoàn Thanh	Nghiêm	Nam	20/01/2003	Bạc Liêu	08h10'			P.407-C1	
16	000216	0021412767	Kiều Thị	Ngoan	Nữ	29/11/2003	Cà Mau	08h10'			P.407-C1	
17	000217	0021410517	Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	23/3/2003	Bến Tre	08h20'			P.407-C1	
18	000218	0020410450	Bùi Thị Kim	Ngọc	Nữ	19/3/2002	Đồng Tháp	08h20'			P.407-C1	
19	000219	0020410429	Đỗ Kim	Ngọc	Nữ	19/7/2001	Đồng Tháp	08h30'			P.407-C1	
20	000220	0021412771	Dương Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	16/8/2003	Đồng Tháp	08h30'			P.407-C1	
21	000221	0021410523	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	09/02/2003	Đồng Tháp	08h40'			P.407-C1	
22	000222	0021411534	Lê Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	30/6/2003	Đồng Tháp	08h40'			P.407-C1	
23	000223	0021410524	Lê Thị Thuý	Ngọc	Nữ	28/7/2003	Đồng Tháp	08h50'			P.407-C1	
24	000224	0021310112	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	23/12/2003	Cần Thơ	08h50'			P.407-C1	

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND / MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000225	0021411538	Nguyễn Nhã Ngọc	Nữ	06/3/2003	Vĩnh Long	07h00'	Phòng chờ: 208-C1			P.408-C1
2	000226	0021410526	Nguyễn Phan Bích Ngọc	Nữ	08/8/2003	Đồng Tháp	07h00'				P.408-C1
3	000227	0021410527	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	12/9/2003	Đồng Tháp	07h10'				P.408-C1
4	000228	0021410529	Phạm Mỹ Ngọc	Nữ	11/10/2003	Đồng Tháp	07h10'				P.408-C1
5	000229	0021411547	Trần Thị Kim Ngọc	Nữ	27/6/2002	An Giang	07h20'				P.408-C1
6	000230	0020410815	Bùi Phạm Chí Nguyên	Nam	05/4/2002	Đồng Tháp	07h20'				P.408-C1
7	000231	0021411558	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	30/3/2003	Bến Tre	07h30'				P.408-C1
8	000232	0021411559	Nguyễn Thị Tố Nguyên	Nữ	29/4/2002	An Giang	07h30'				P.408-C1
9	000233	0021410549	Phan Trần Kim Nguyễn	Nữ	23/10/2003	An Giang	07h40'				P.408-C1
10	000234	0021411566	Nguyễn Thị Trang Nhã	Nữ	27/10/2003	Đồng Tháp	07h40'				P.408-C1
11	000235	0021412827	Trương Thanh Nhã	Nam	04/6/2003	Cần Thơ	07h50'				P.408-C1
12	000236	0019310032	Bùi Mỹ Nhân	Nữ	20/4/2001	Đồng Tháp	07h50'				P.408-C1
13	000237	0021412839	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	10/3/2003	Long An	08h00'				P.408-C1
14	000238	0021410562	Phạm Trọng Nhân	Nam	04/9/2000	An Giang	08h00'				P.408-C1
15	000239	0021410565	Trần Nguyễn Hữu Nhân	Nam	03/6/2003	Đồng Tháp	08h10'				P.408-C1
16	000240	0019410770	Phạm Thị Thanh Nhân	Nữ	12/01/2001	Đồng Tháp	08h10'				P.408-C1
17	000241	0020411153	Trương Minh Nhật	Nam	29/12/2002	Tiền Giang	08h20'				P.408-C1
18	000242	0021411576	Hồ Tuyết Nhi	Nữ	24/01/2003	Cà Mau	08h20'				P.408-C1
19	000243	0019410503	Huỳnh Nhi	Nữ	02/3/2001	Đồng Tháp	08h30'				P.408-C1
20	000244	0021410581	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	Nữ	01/11/2003	Đồng Tháp	08h30'				P.408-C1
21	000245	0021412865	Lâm Thị Yến Nhi	Nữ	14/02/2003	Đồng Tháp	08h40'				P.408-C1
22	000246	0021411580	Lê Nguyễn Mẫn Nhi	Nữ	11/8/2003	Vĩnh Long	08h40'				P.408-C1
23	000247	0021310034	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	21/12/2003	Đồng Tháp	08h50'				P.408-C1
24	000248	0021412872	Lương Thị Thiên Nhi	Nữ	01/4/2003	Đồng Tháp	08h50'				P.408-C1

Tổng số thí sinh: 24

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH****THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)**

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000249	0021412875	Nguyễn Hoàng Nhi	Nam	20/7/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1	
2	000250	0021412876	Nguyễn Hoàng Ngọc Nhi	Nữ	02/02/2003	Long An	P.501-C1		12h30'		
3	000251	0020410887	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Nữ	02/02/2002	Vĩnh Long	P.501-C1		12h40'		
4	000252	0021410594	Nguyễn Phạm Tuyết Nhi	Nữ	10/02/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		12h40'		
5	000253	0021410596	Nguyễn Thị Huỳnh Nhi	Nữ	26/6/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'		
6	000254	0021410597	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	19/12/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'		
7	000255	0021412878	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	25/7/2003	Tiền Giang	P.501-C1		13h00'		
8	000256	0021410608	Tổng Thị Yến Nhi	Nữ	26/8/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h00'		
9	000257	0021412888	Trần Bình Nhi	Nữ	10/9/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h10'		
10	000258	0021410609	Trần Thị Thanh Nhi	Nữ	27/4/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h10'		
11	000259	0021412892	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	10/3/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h20'		
12	000260	0021413745	Lê Thị Thừa Nhiên	Nữ	02/12/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h20'		
13	000261	0021412899	Võ Thị Mỹ Nhiều	Nữ	25/7/2003	Tiền Giang	P.501-C1		13h30'		
14	000262	0021412902	Chung Thị Hạnh Như	Nữ	30/3/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h30'		
15	000263	0021310120	Đồng Thị Tuyết Như	Nữ	13/8/2003	Long An	P.501-C1		13h40'		
16	000264	0021310037	Huỳnh Như	Nữ	09/02/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'		
17	000265	0021411610	Lê Thị Quỳnh Như	Nữ	18/9/2003	Long An	P.501-C1		13h50'		
18	000266	0021410628	Nguyễn Đình Huỳnh Như	Nữ	14/01/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h50'		
19	000267	0021412919	Nguyễn Hạnh Yến Như	Nữ	05/11/2003	Bến Tre	P.501-C1		14h00'		
20	000268	0021410634	Nguyễn Thị Mỹ Như	Nữ	21/10/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		14h00'		
21	000269	0020410394	Phạm Thị Huỳnh Như	Nữ	11/8/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		14h10'		
22	000270	0021412936	Trần Ngọc Ánh Như	Nữ	26/8/2003	Vĩnh Long	P.501-C1		14h10'		
23	000271	0019410340	Trần Thị Tuyết Như	Nữ	23/01/2001	An Giang	P.501-C1		14h20'		
24	000272	0021411618	Võ Thị Huyền Như	Nữ	21/4/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khóa 68, ngày 30/7/2022

PHÒNG THI SỐ: 12

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000273	0021412943	Đinh Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/10/2003	Bến Tre	P.502-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1	
2	000274	0020410950	Đỗ Mai Tuyết	Nhung	Nữ	24/7/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		12h30'		
3	000275	0021413849	Huỳnh Thị Ngọc	Nhung	Nữ	24/9/2003	Tiền Giang	P.502-C1		12h40'		
4	000276	0021410650	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	08/4/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		12h40'		
5	000277	0021411626	Trương Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/9/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		12h50'		
6	000278	0021412963	Quách Bảo	Nil	Nam	24/6/2002	Cà Mau	P.502-C1		12h50'		
7	000279	0020410880	Phan Thị Cẩm	Ny	Nữ	19/11/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h00'		
8	000280	0021410661	Võ Thành	Ny	Nam	24/11/2003	Tiền Giang	P.502-C1		13h00'		
9	000281	0021310040	Lê Thị Yến	Oanh	Nữ	10/12/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h10'		
10	000282	0021412968	Nguyễn Thị Diễm	Phấn	Nữ	12/6/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h10'		
11	000283	0021410670	Đinh Trần Phương	Phi	Nam	02/02/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h20'		
12	000284	0021412987	Nguyễn Trọng	Phi	Nam	15/4/2003	Tây Ninh	P.502-C1		13h20'		
13	000285	0021412999	Nguyễn Sơn	Phú	Nam	07/7/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h30'		
14	000286	0021413003	Trương Gia	Phú	Nam	15/8/1999	Bến Tre	P.502-C1		13h30'		
15	000287	0020411291	Đoàn Nguyễn Gia	Phúc	Nam	01/01/2000	Tiền Giang	P.502-C1		13h40'		
16	000288	0020410072	Lâm Hoàng	Phúc	Nam	29/4/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h40'		
17	000289	0021410686	Lê Văn	Phúc	Nam	12/6/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h50'		
18	000290	0020410865	Nguyễn Lê Hữu	Phúc	Nam	09/5/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h50'		
19	000291	0020411297	Nguyễn Tấn	Phúc	Nam	09/7/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		14h00'		
20	000292	0021413028	Phạm An	Phước	Nam	21/11/2003	Tiền Giang	P.502-C1		14h00'		
21	000293	0021410700	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	18/02/2003	TP Cà Mau	P.502-C1		14h10'		
22	000294	0020410882	Võ Thị Huỳnh	Phương	Nữ	15/4/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		14h10'		
23	000295	0021413045	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	18/6/2003	Long An	P.502-C1		14h20'		
24	000296	0019410513	Trần Lê Phú	Quý	Nam	01/01/2001	Đồng Tháp	P.502-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 68, ngày 30/7/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000297	0021410717	Đỗ Ái	Quốc	Nam	16/7/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1	
2	000298	0021411669	Phan Hàn	Quốc	Nam	06/6/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h30'		
3	000299	0020410082	Văn Công	Quốc	Nam	10/7/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		12h40'		
4	000300	0020411296	Bùi Thảo	Quyên	Nữ	19/10/2002	Tây Ninh	P.503-C1		12h40'		
5	000301	0021411675	Nguyễn Ngọc Mỹ	Quyên	Nữ	29/3/2003	An Giang	P.503-C1		12h50'		
6	000302	0021410728	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	Nữ	08/6/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h50'		
7	000303	0020411215	Trần Phước	Quyên	Nữ	20/12/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h00'		
8	000304	0021413086	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	21/5/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		13h00'		
9	000305	0020411202	Hồ Thị Thu	Quỳnh	Nữ	28/8/2002	Cần Thơ	P.503-C1		13h10'		
10	000306	0020410562	Huỳnh Thị Thuý	Quỳnh	Nữ	05/6/2001	Đồng Tháp	P.503-C1		13h10'		
11	000307	0021413091	Lê Kim	Quỳnh	Nữ	19/12/2003	Tiền Giang	P.503-C1		13h20'		
12	000308	0020410129	Lương Thị Thuý	Quỳnh	Nữ	27/9/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h20'		
13	000309	0021410753	Phan Thanh	Sang	Nam	19/01/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		13h30'		
14	000310	0021410754	Vũ Kim	Sang	Nữ	13/3/2003	Kiên Giang	P.503-C1		13h30'		
15	000311	0019410104	Nguyễn Hải	Son	Nam	25/8/2001	Đồng Tháp	P.503-C1		13h40'		
16	000312	0020410473	Nguyễn Ngọc	Son	Nam	12/11/2001	An Giang	P.503-C1		13h40'		
17	000313	0021411701	Lâm	Sung	Nam	31/12/2003	Sóc Trăng	P.503-C1		13h50'		
18	000314	0019310050	Trần Thị Thu	Sương	Nữ	26/12/2000	Đồng Tháp	P.503-C1		13h50'		
19	000315	0021413118	Đặng Minh	Tài	Nam	25/7/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h00'		
20	000316	0021310084	Huỳnh Thị Minh	Tâm	Nữ	29/7/2002	Bến Tre	P.503-C1		14h00'		
21	000317	0021413763	Nguyễn Văn Thanh	Tâm	Nam	13/9/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h10'		
22	000318	0021410774	Nguyễn Thanh	Tân	Nam	21/4/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h10'		
23	000319	0021411721	Trần Văn	Thái	Nam	29/10/2003	Bến Tre	P.503-C1		14h20'		
24	000320	0021410779	Nguyễn Trọng	Thâm	Nam	14/11/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000321	0021413148	Đặng Thị Hồng	Thắm	Nữ	15/8/2003	Bến Tre	P.504-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1
2	000322	0021413149	Dương Thị Xuân	Thắm	Nữ	26/3/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		12h30'	
3	000323	0021413156	Nguyễn Chế	Thanh	Nữ	30/11/2003	Bến Tre	P.504-C1		12h40'	
4	000324	0021413158	Nguyễn Nhựt	Thanh	Nam	19/12/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		12h40'	
5	000325	0021411730	Phạm Uyên	Thanh	Nam	23/7/2003	Cần Thơ	P.504-C1		12h50'	
6	000326	0021411731	Phan Kim	Thanh	Nữ	02/6/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		12h50'	
7	000327	0020411306	Võ Hoài	Thanh	Nam	11/8/1999	Đồng Tháp	P.504-C1		13h00'	
8	000328	0021413164	Dương Xuân	Thành	Nam	05/10/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h00'	
9	000329	0021413165	Lê Tấn	Thành	Nam	22/12/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h10'	
10	000330	0021413167	Phạm Hoàng	Thành	Nam	30/6/2003	An Giang	P.504-C1		13h10'	
11	000331	0021413168	Trần Ngọc	Thành	Nữ	24/11/2003	Kiên Giang	P.504-C1		13h20'	
12	000332	0020410908	Bảo Thanh	Thảo	Nữ	11/8/2002	Hậu Giang	P.504-C1		13h20'	
13	000333	0021413766	Bùi Văn	Thảo	Nam	10/02/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h30'	
14	000334	0020411094	Đào Thị Bích	Thảo	Nữ	11/10/2002	Bến Tre	P.504-C1		13h30'	
15	000335	0021410804	Lê Ngọc	Thảo	Nữ	22/5/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h40'	
16	000336	0021410805	Lê Phạm Thanh	Thảo	Nữ	12/4/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h40'	
17	000337	0021410806	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	31/01/2003	Vĩnh Long	P.504-C1		13h50'	
18	000338	0021410810	Lương Thị Kim	Thảo	Nữ	02/8/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h50'	
19	000339	0020410448	Mai Thị Thanh	Thảo	Nữ	14/5/2001	Đồng Tháp	P.504-C1		14h00'	
20	000340	0021410812	Nguyễn Ngọc Lan	Thảo	Nữ	15/3/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		14h00'	
21	000341	0021410814	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	06/4/2003	Tiền Giang	P.504-C1		14h10'	
22	000342	0020310005	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	21/01/2001	Đồng Tháp	P.504-C1		14h10'	
23	000343	0020410317	Phạm Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	15/7/2002	Đồng Tháp	P.504-C1		14h20'	
24	000344	0021410820	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	12/5/2003	Cần Thơ	P.504-C1		14h20'	

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000345	0021310048	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	06/5/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000346	0020410979	Phan Đoàn Uyên Thảo	Nữ	01/5/2002	Bến Tre	P.505-C1		12h30'		
3	000347	0021411758	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	26/6/2002	Vĩnh Long	P.505-C1		12h40'		
4	000348	0021410833	Nguyễn Cẩm Thi	Nữ	14/02/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		12h40'		
5	000349	0020411038	Nguyễn Thị Cẩm Thi	Nữ	05/02/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		12h50'		
6	000350	0021413210	Nguyễn Thị Cẩm Thi	Nữ	17/02/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		12h50'		
7	000351	0019410506	Hồ Đắc Phúc	Nam	10/10/2001	Đồng Tháp	P.505-C1		13h00'		
8	000352	0021413216	Nguyễn Hoàn	Nam	26/10/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		13h00'		
9	000353	0021410841	Võ Đình	Nam	19/10/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		13h10'		
10	000354	0021410843	Võ Đình	Nam	19/10/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		13h10'		
11	000355	0021411777	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	30/8/2003	Bến Tre	P.505-C1		13h20'		
12	000356	0020410892	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	08/11/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		13h20'		
13	000357	0021413241	Nguyễn Thanh Thoại	Nam	03/01/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		13h30'		
14	000358	0021411778	Đỗ Thị Thoảng	Nữ	29/12/2003	Tiền Giang	P.505-C1		13h30'		
15	000359	0021413245	Nguyễn Thị Kim Thu	Nữ	20/8/2003	Bến Tre	P.505-C1		13h40'		
16	000360	0021410852	Đào Minh Thư	Nữ	15/6/2003	Cà Mau	P.505-C1		13h40'		
17	000361	0021411787	Huỳnh Thị Minh Thư	Nữ	05/11/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		13h50'		
18	000362	0021413259	Lê Minh Thư	Nữ	30/10/2003	Bến Tre	P.505-C1		13h50'		
19	000363	0021413870	Nguyễn Minh Thư	Nữ	11/6/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		14h00'		
20	000364	0021411797	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	24/11/2003	Long An	P.505-C1		14h00'		
21	000365	0021411804	Võ Huyền Thư	Nữ	17/9/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		14h10'		
22	000366	0021410890	Phan Thị Ngọc Thuận	Nữ	20/02/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		14h10'		
23	000367	0021310103	Lục Thị Thu Thùy	Nữ	15/12/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		14h20'		
24	000368	0021410898	Nguyễn Thị Phương Thùy	Nữ	11/5/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000369	0021411813	Trần Thị Ngọc	Thùy	Nữ	22/01/2003	Tiền Giang	P.506-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1
2	000370	0020410296	Đinh Thị Thu	Thùy	Nữ	21/7/2000	Đồng Tháp	P.506-C1		12h30'	
3	000371	0021411817	Hồng Minh	Tì	Nam	24/9/2003	Cà Mau	P.506-C1		12h40'	
4	000372	0021413316	Bùi Thị Cẩm	Tiên	Nữ	28/6/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		12h40'	
5	000373	0021413317	Bùi Thị Kiều	Tiên	Nữ	13/01/2003	Bến Tre	P.506-C1		12h50'	
6	000374	0021410905	Nguyễn Ngọc Kiều	Tiên	Nữ	26/8/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		12h50'	
7	000375	0020411060	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	11/9/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		13h00'	
8	000376	0021410907	Nguyễn Thị Hồng	Tiên	Nữ	11/9/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h00'	
9	000377	0020310011	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	30/8/2001	Đồng Tháp	P.506-C1		13h10'	
10	000378	0021413343	Trương Thị Cẩm	Tiên	Nữ	17/9/2003	Vĩnh Long	P.506-C1		13h10'	
11	000379	0021410911	Võ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	28/4/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h20'	
12	000380	0021413349	Trần Thành	Tiến	Nam	31/7/2003	Long An	P.506-C1		13h20'	
13	000381	0015411452	Huỳnh Trung	Tín	Nam	08/10/1995	Đồng Tháp	P.506-C1		13h30'	
14	000382	0021412001	Lê Trung	Tín	Nam	07/3/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h30'	
15	000383	0021413353	Nguyễn Duy Đức	Tín	Nam	14/5/2003	An Giang	P.506-C1		13h40'	
16	000384	0021413354	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	28/10/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h40'	
17	000385	0021413363	Nguyễn Trung	Tính	Nam	01/01/2003	Tiền Giang	P.506-C1		13h50'	
18	000386	0019410297	Đặng Huy	Toàn	Nam	21/5/2001	Đồng Tháp	P.506-C1		13h50'	
19	000387	0014413832	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	28/01/1994	Bến Tre	P.506-C1		14h00'	
20	000388	0020410713	Huỳnh Hồ Bích	Trâm	Nữ	22/9/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		14h00'	
21	000389	0020410613	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	28/7/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		14h10'	
22	000390	0021410919	Mai Ngọc	Trâm	Nữ	08/01/2003	Bến Tre	P.506-C1		14h10'	
23	000391	0020411133	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	18/3/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		14h20'	
24	000392	0021413384	Tô Thị Ngọc	Trâm	Nữ	09/02/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		14h20'	

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000393	0021413388	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	01/01/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 204-C1
2	000394	0021310059	Châu Thị Mỹ Trân	Nữ	13/4/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	
3	000395	0021410935	Phan Thị Huyền Trân	Nữ	15/12/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h40'	
4	000396	0021413425	Trương Thị Huế Trân	Nữ	24/10/2003	Bến Tre	P.507-C1			12h40'	
5	000397	0021411859	Đặng Thị Thu Trang	Nữ	05/6/2003	Long An	P.507-C1			12h50'	
6	000398	0021410950	Tô Thị Thuỳ Trang	Nữ	31/3/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h50'	
7	000399	0021410951	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	29/6/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h00'	
8	000400	0021413445	Phạm Thị Ngọc Trào	Nữ	17/8/2003	Vĩnh Long	P.507-C1			13h00'	
9	000401	0021413449	Nguyễn Hữu Trí	Nam	12/8/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h10'	
10	000402	0021413456	Nguyễn Trọng Triết	Nam	12/11/2003	Vĩnh Long	P.507-C1			13h10'	
11	000403	0021410957	Huỳnh Thị Cẩm Trinh	Nữ	21/10/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h20'	
12	000404	0021411872	Lê Ngọc Trinh	Nữ	07/8/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h20'	
13	000405	0021413462	Lê Tuyết Trinh	Nữ	13/11/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h30'	
14	000406	0021410960	Nguyễn Lan Trinh	Nữ	12/4/2003	TP HCM	P.507-C1			13h30'	
15	000407	0016410268	Nguyễn Thị Yến Trinh	Nữ	15/11/1998	Đồng Tháp	P.507-C1			13h40'	
16	000408	0021410965	Trần Thị Trinh	Nữ	28/4/2003	Trà Vinh	P.507-C1			13h40'	
17	000409	0020410787	Võ Thị Diễm Trinh	Nữ	05/9/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			13h50'	
18	000410	0020410672	Võ Thị Thu Trinh	Nữ	12/4/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			13h50'	
19	000411	0016410312	Nguyễn Bảo Trọng	Nam	29/01/1998	Đồng Tháp	P.507-C1			14h00'	
20	000412	0021411886	Lưu Thị Thanh Trúc	Nữ	19/4/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h00'	
21	000413	0020410833	Hà Thiết Trung	Nam	08/10/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			14h10'	
22	000414	0021411894	Trần Phước Trung	Nam	18/7/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h10'	
23	000415	0021411895	Võ Hiếu Trung	Nam	08/9/2003	Tiền Giang	P.507-C1			14h20'	
24	000416	0019410271	Nguyễn Nhựt Trường	Nam	26/01/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			14h20'	
25	000417	0020410076	Huỳnh Thanh Tú	Nam	27/6/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	
26	000418	0021410988	Lê Thị Cẩm Tú	Nữ	01/11/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	
27	000419	0019410268	Lê Văn Tú	Nam	19/8/2001	An Giang	P.507-C1			12h40'	
28	000420	0019410628	Lương Thị Cẩm Tú	Nữ	29/12/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			12h40'	

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000421	0021413503	Triệu Thị Cẩm Tú	Nữ	16/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			12h50'	Phòng tập trung chờ thi: 204-C1
2	000422	0021411906	Võ Thị Cẩm Tú	Nữ	29/10/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			12h50'	
3	000423	0020411044	Phạm Minh Tư	Nam	08/9/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			13h00'	
4	000424	0021410993	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	05/02/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h00'	
5	000425	0021413512	Nguyễn Hồng Tươi	Nữ	18/7/2002	Vĩnh Long	P.508-C1			13h10'	
6	000426	0021410997	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	20/3/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h10'	
7	000427	0021410998	Nguyễn Thị Hồng Tươi	Nữ	30/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h20'	
8	000428	0020410390	Đỗ Thị Mỹ Tường	Nữ	30/8/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			13h20'	
9	000429	0020410162	Lâm Gia Tường	Nam	22/3/2002	Trà Vinh	P.508-C1			13h30'	
10	000430	0020410502	Nguyễn Thị Cát Tường	Nữ	18/3/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			13h30'	
11	000431	0021413526	Đinh Ngọc Tuyền	Nữ	17/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h40'	
12	000432	0021411010	Lê Thị Bích Tuyền	Nữ	05/9/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h40'	
13	000433	0021411015	Trần Như Tuyền	Nữ	19/3/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h50'	
14	000434	0021310065	Phạm Thị Minh Tuyết	Nữ	23/01/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			13h50'	
15	000435	0021413881	Bùi Phương Uyên	Nữ	30/7/2003	Cần Thơ	P.508-C1			14h00'	
16	000436	0021413540	Lương Tú Uyên	Nữ	20/02/2003	Vĩnh Long	P.508-C1			14h00'	
17	000437	0017410213	Nguyễn Hồng Uyên	Nữ	23/01/1999	Vĩnh Long	P.508-C1			14h10'	
18	000438	0021411930	Nguyễn Thụy Huệ Vân	Nữ	11/12/2003	Vĩnh Long	P.508-C1			14h10'	
19	000439	0021310067	Phạm Thị Bích Vân	Nữ	27/02/2001	Đồng Tháp	P.508-C1			14h20'	
20	000440	0021411029	Võ Thị Thu Vân	Nữ	09/10/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			14h20'	
21	000441	0019410691	Đặng Rõng Vàng	Nam	10/02/2001	Đồng Tháp	P.508-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 208-C1
22	000442	0021411933	Võ Văn Ngọc Vàng	Nam	30/10/2003	Cần Thơ	P.508-C1			12h30'	
23	000443	0021411032	Dương Thị Tường Vi	Nữ	25/6/2003	Kiên Giang	P.508-C1			12h40'	
24	000444	0020410810	Nguyễn Thị Thuý Vi	Nữ	08/3/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			12h40'	
25	000445	0021411945	Nguyễn Tấn Phú Vinh	Nam	24/12/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			12h50'	
26	000446	0021411953	Đặng Phương Vy	Nữ	16/02/2003	Tiền Giang	P.508-C1			12h50'	
27	000447	0020411059	Hồ Thuý Vy	Nữ	16/12/2002	Vĩnh Long	P.508-C1			13h00'	
28	000448	0017410661	Huỳnh Thị Thuý Vy	Nữ	02/4/1999	Trà Vinh	P.508-C1			13h00'	

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000449	0021310069	Lê Huỳnh Thảo	Vy	Nữ	09/12/2003	Đồng Tháp	P.407-C1			13h10'	Phòng tập trung chờ thi: 208-C1
2	000450	0021413685	Mai Thảo	Vy	Nữ	11/5/2003	Bến Tre	P.407-C1			13h10'	
3	000451	0021411053	Nguyễn Đỗ Phụng	Vy	Nữ	29/12/2003	Đồng Tháp	P.407-C1			13h20'	
4	000452	0020410361	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	21/8/2002	Vĩnh Long	P.407-C1			13h20'	
5	000453	0020410524	Phan Thị Kim	Xoàn	Nữ	09/3/2002	Đồng Tháp	P.407-C1			13h30'	
6	000454	0021411062	Huỳnh Thu	Xuân	Nữ	01/6/2003	Đồng Tháp	P.407-C1			13h30'	
7	000455	0021413887	Nguyễn Thị	Xuyên	Nữ	01/01/2003	Bạc Liêu	P.407-C1			13h40'	
8	000456	0021310085	Nguyễn Như	Ý	Nữ	09/3/2003	Đồng Tháp	P.407-C1			13h40'	
9	000457	0020411042	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	10/01/2002	Đồng Tháp	P.407-C1			13h50'	
10	000458	0021411091	Trần Thị Như	Ý	Nữ	13/12/2003	Đồng Tháp	P.407-C1			13h50'	
11	000459	0020410960	Đỗ Nguyễn Hải	Yến	Nữ	10/6/2002	Vĩnh Long	P.407-C1			14h00'	
12	000460	0021310073	Huỳnh Thị Hải	Yến	Nữ	07/8/2002	Đồng Tháp	P.407-C1			14h00'	
13	000461	0020411314	Lâm Thị Hồng	Yến	Nữ	04/6/2002	Đồng Tháp	P.407-C1			14h10'	
14	000462	0021310071	Lê Thị Kim	Yến	Nữ	04/11/2003	Đồng Tháp	P.407-C1			14h10'	
15	000463	0020410264	Nguyễn Phi	Yến	Nữ	28/02/2002	Cà Mau	P.407-C1			14h20'	
16	000464	0021310072	Nguyễn Thị Bảo	Yến	Nữ	17/02/2003	Đồng Tháp	P.407-C1			14h20'	
17	000465	0020410768	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	24/01/2002	Đồng Tháp	P.407-C1			12h30'	
18	000466	0020410792	Lê Sơn	Bá	Nam	22/3/2002	Đồng Tháp	BL	407	407	12h30'	
19	000467	0015410697	Dương Phan Cảnh	Duy	Nam	17/5/1997	Tiền Giang	407	407	BL	BL	
20	000468	0020410844	Huỳnh Tú	Duy	Nam	05/12/1999	Bến Tre	BL	407	BL	BL	
21	000469	0020410349	Nguyễn Huỳnh	Duy	Nam	15/11/2002	Đồng Tháp	BL	407	BL	12h40'	
22	000470	0021411282	Nguyễn Thuý	Hằng	Nữ	27/5/1996	Đồng Tháp	BL	407	407	BL	
23	000471	0020410418	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	22/3/2000	Đồng Tháp	BL	407	BL	12h40'	
24	000472	0020410676	Phạm Công	Hậu	Nam	17/9/2002	Đồng Tháp	BL	407	BL	12h50'	
25	000473	0020410289	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	01/9/2002	Cà Mau	BL	407	BL	12h50'	
26	000474	0020410174	Lương Gia	Huy	Nam	15/6/2002	An Giang	BL	407	BL	13h00'	
27	000475	0021411331	Nguyễn Thành	Huy	Nam	23/11/2003	An Giang	BL	407	BL	13h00'	
28	000476	0021412472	Nguyễn Minh	Kha	Nam	23/01/2003	Long An	BL	407	BL	13h10'	

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000477	0019410402	Nguyễn Chí Khang	Nam	25/6/2001	Đồng Tháp	BL	408	BL	13h10'	Phòng tập trung chờ thi: 208-C1
2	000478	0020410106	Phan Tuấn Khanh	Nam	26/12/2002	Đồng Tháp	408	408	BL	13h20'	
3	000479	0019410733	Phạm Trung Kiên	Nam	16/6/2001	Long An	BL	408	408	BL	
4	000480	0019410372	Thái Thị Thùy Linh	Nữ	02/7/2001	Đồng Tháp	BL	408	BL	13h20'	
5	000481	0021412669	Từ Thị Diễm Mi	Nữ	19/4/2003	Tiền Giang	BL	408	BL	13h30'	
6	000482	0020410125	Trần Thị Thiên Nhi	Nữ	23/11/2002	Đồng Tháp	408	408	BL	13h30'	
7	000483	0021411620	Đỗ Thị Cẩm Nhung	Nữ	18/8/2003	Đồng Tháp	BL	408	408	13h40'	
8	000484	0021412946	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	03/01/2003	Đồng Tháp	408	BL	BL	13h40'	
9	000485	0020410834	Nguyễn Phong Phú	Nam	03/7/2002	Đồng Tháp	BL	408	BL	BL	
10	000486	0020410516	Nguyễn Thị Phượng Quyên	Nữ	31/7/2002	Hậu Giang	BL	408	BL	BL	
11	000487	0021411684	Trần Thị Thúy Quyên	Nữ	11/11/2003	Long An	BL	408	BL	BL	
12	000488	0015410031	Danh Siêu	Nam	08/5/1996	Kiên Giang	BL	408	408	13h50'	
13	000489	0021411706	Lê Đức Tài	Nam	08/02/2002	Đồng Tháp	BL	408	BL	13h50'	
14	000490	0020411112	Nguyễn Phước Tài	Nam	25/11/2002	Trà Vinh	BL	408	BL	BL	
15	000491	0020411013	Ngô Ngọc Thận	Nữ	29/01/2002	Bạc Liêu	BL	408	408	14h00'	
16	000492	0021411771	Huỳnh Thị Nhã Thơ	Nữ	10/12/2003	TP Cần Thơ	BL	408	BL	14h00'	
17	000493	0016410131	Trương Hải Thoại	Nam	22/9/1998	An Giang	BL	408	BL	14h10'	
18	000494	0021410891	Trần Viết Thuận	Nam	18/8/2003	An Giang	BL	408	BL	14h10'	
19	000495	0020410842	Nguyễn Như Thuật	Nam	09/7/2002	Bến Tre	BL	408	408	BL	
20	000496	0020410802	Trần Thị Cẩm Thúy	Nữ	25/01/2002	Đồng Tháp	BL	408	BL	14h20'	
21	000497	0018410745	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	18/7/2000	Đồng Tháp	408	408	BL	14h20'	
22	000498	0020410902	Nguyễn Hữu Toàn	Nam	26/02/2002	Đồng Tháp	408	408	BL	14h30'	
23	000499	0020410005	Lê Bảo Trân	Nữ	03/02/2002	Đồng Tháp	BL	408	408	BL	
24	000500	0016411038	Nguyễn Phước Trung	Nam	13/3/1996	Đồng Tháp	408	408	408	BL	
25	000501	0020411139	Phạm Nguyễn Văn Trường	Nam	23/8/2002	Đồng Tháp	408	408	BL	BL	
26	000502	0021411974	Dương Thị Như Ý	Nữ	15/02/2003	Đồng Tháp	BL	408	408	14h30'	

Tổng số thí sinh: 26